

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT
VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2016	7 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016	10 - 11
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2016	12 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2016 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp. Mã số doanh nghiệp 3800100513, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 05 tháng 9 năm 2014.

Vốn điều lệ : 244.500.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Thương mại – Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có:

❖ Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 723 Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.

Điện thoại : (84-651) 387 0296

Fax : (84-651) 387 0318

Mã số thuế : 3 8 0 0 1 0 0 5 1 3

❖ Chi nhánh Khách sạn Bombo - Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết & DVTH Bình Phước

Địa chỉ : Quốc lộ 14, Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.

Mã số : 3 8 0 0 1 0 0 5 1 3 – 0 0 1

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty

Ông Phan Ngọc Sự

Kiểm soát viên

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Ban Giám đốc

- | | | |
|---|----------------------|---|
| 1 | Ông Phan Ngọc Sự | Giám đốc - Là người đại diện theo pháp luật của công ty |
| 2 | Ông Nguyễn Đăng Khoa | Phó Giám đốc |
| 3 | Ông Trần Huy Hải | Phó Giám đốc |

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này, Công ty Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 38.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

CÔNG TY TNHH MTV XÔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Báo cáo Ban Giám đốc (tiếp theo)

- * Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán 2016 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty



Giám đốc – Phan Ngọc Sự

Bình Phước, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Số: 67/2017/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DV TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2016 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Công ty Xổ số Kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Công ty Xổ số Kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh



Phó Giám đốc - Huỳnh Hữu Phước

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1762-2014-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Kiểm toán viên – Lê Hồng Long

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0786-2014-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		250.909.567.330	230.473.534.237
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	130.482.296.695	127.338.144.964
111	1 Tiền		116.076.994.651	96.149.006.570
112	2 Các khoản tương đương tiền		14.405.302.044	31.189.138.394
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		7.806.102.827	2.000.000.000
123	1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	7.806.102.827	2.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		84.364.856.073	74.353.258.169
131	1 Phải thu khách hàng	V.3	74.344.939.749	67.562.071.110
132	2 Trả trước cho người bán	V.4	7.803.393.331	6.101.026.331
135	3 Các khoản phải thu khác	V.5	3.393.505.600	1.867.143.335
137	4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(1.176.982.607)	(1.176.982.607)
140	IV. Hàng tồn kho		1.510.641.059	1.244.478.274
141	1 Hàng tồn kho	V.7	1.510.641.059	1.244.478.274
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		26.745.670.676	25.537.652.830
153	1 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.8	26.686.251.247	25.036.879.097
158	2 Tài sản ngắn hạn khác	V.9	59.419.429	500.773.733
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		177.600.229.647	182.131.939.916
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		118.440.944.337	127.041.060.396
221	1 Tài sản cố định hữu hình	V.10	103.190.977.288	111.646.687.099
222	- Nguyên giá		127.934.999.311	127.660.199.311
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.744.022.023)	(16.013.512.212)
227	2 Tài sản cố định vô hình	V.11	15.249.967.049	15.394.373.297
228	- Nguyên giá		15.643.754.545	15.643.754.545
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(393.787.496)	(249.381.248)
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		41.137.021.665	41.228.150.342
252	1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.12	28.800.000.000	28.800.000.000
258	2 Đầu tư dài hạn khác	V.13	12.500.000.000	12.500.000.000
259	3 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	V.14	(162.978.335)	(71.849.658)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		18.022.263.645	13.862.729.178
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	V.15	18.022.263.645	13.862.729.178
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		428.509.796.977	412.605.474.153

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		91.376.498.029	117.047.524.812
310	I. Nợ ngắn hạn		91.376.498.029	84.731.459.312
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	V.16	20.000.000.000	26.418.992.000
312	2 Phải trả người bán	V.17	2.695.149.534	1.397.758.916
313	3 Người mua trả tiền trước	V.18	177.357.490	286.714.087
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.19	11.452.291.325	13.451.465.228
315	5 Phải trả người lao động	V.20	5.203.198.115	3.681.253.412
316	6 Chi phí phải trả ngắn hạn	V.21	130.000.000	-
319	9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.22	14.678.493.375	7.266.285.732
321	10 Dự phòng rủi ro trả thưởng	V.23	40.336.554.900	35.728.068.450
323	11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.24	(3.296.546.710)	(3.499.078.513)
330	II. Nợ dài hạn		-	32.316.065.500
338	1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.25	-	32.316.065.500
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		337.133.298.948	295.557.949.341
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.26	337.133.298.948	295.557.949.341
411	1 Vốn góp của chủ sở hữu	V.26.1	200.000.000.000	160.000.000.000
417	5 Quỹ đầu tư phát triển	V.26.2	8.544.527.339	42.157.089.983
420	8 Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.26.3	128.588.771.609	93.400.859.358
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		129.153.433	129.153.433
420b	- LNST chưa phân phối kỳ này		128.459.618.176	93.271.705.925
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		428.509.796.977	412.605.474.153

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	4 Nợ khó đòi đã xử lý		1.752.216.046	1.752.216.046
	6 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		108.015.221.415	97.155.418.865
	8 Doanh số phải hành xổ số kiến thiết		68.533.500.000	57.898.200.000

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cừ

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Bình Phước, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Giám đốc



Phan Ngọc Sự

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1 Doanh thu	VI.27	1.233.223.910.191	1.092.624.293.497
1.1	- Doanh thu kinh doanh xổ số		1.222.319.845.454	1.082.668.740.909
1.2	- Doanh thu kinh doanh khác		10.904.064.737	9.955.552.588
2	2 Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.27	159.433.023.319	141.217.661.857
2.1	- Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		159.433.023.319	141.217.661.857
2.2	- Giảm trừ doanh thu khác		-	-
10	3 Doanh thu thuần	VI.27	1.073.790.886.872	951.406.631.640
10.1	- Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		1.062.886.822.135	941.451.079.052
10.2	- Doanh thu thuần kinh doanh khác		10.904.064.737	9.955.552.588
11	4 Chi phí kinh doanh	VI.28	824.757.017.487	770.325.386.066
11.1	- Chi phí kinh doanh xổ số		809.992.760.455	755.577.071.376
11.2	- Giá vốn hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã bán		14.764.257.032	14.748.314.690
20	5 Lợi nhuận gộp		249.033.869.385	181.081.245.574
20.1	- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh xổ số		252.894.061.680	185.874.007.676
20.2	- Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		(3.860.192.295)	(4.792.762.102)
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	VI.29	1.842.634.364	4.505.776.437
22	7 Chi phí tài chính	VI.30	6.086.541.947	7.529.377.603
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.995.413.270	7.529.377.603
24	8 Chi phí bán hàng	VI.31	3.230.000	5.120.000
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.32	81.356.944.572	60.049.430.109
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		163.429.787.230	118.003.094.299
31	11 Thu nhập khác	VI.33	744.544.142	790.989.563
32	12 Chi phí khác	VI.34	2.907.735.525	65.917.487
40	13 Lợi nhuận khác		(2.163.191.383)	725.072.076
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		161.266.595.847	118.728.166.375
51	15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.35	32.806.977.671	25.456.460.450
52	16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		128.459.618.176	93.271.705.925

Bình Phước, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Xuân Cư

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Phan Ngọc Sự

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.183.664.309.127	1.047.487.435.084
02	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(79.646.510.612)	(569.415.815.533)
03	3 Tiền chi trả cho người lao động		(17.297.984.435)	(16.770.463.459)
04	4 Tiền lãi vay đã trả		(5.865.413.270)	(7.529.377.603)
05	5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.353.623.139)	(36.500.000.000)
06	6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		48.370.338.474	45.683.265.270
07	7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(963.539.747.556)	(369.168.380.457)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		150.331.368.589	93.786.663.302
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(274.800.000)	(8.377.775.771)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.806.102.827)	(63.385.527.022)
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	63.385.527.022
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.21	1.842.634.364	4.505.776.437
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.238.268.463)	(3.871.999.334)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3 Tiền thu từ đi vay	V.16	70.000.000.000	70.000.000.000
34	4 Tiền trả nợ gốc vay	V.16; V.25	(108.735.057.500)	(111.418.992.000)
35	5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(104.213.890.895)	(48.608.166.867)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(142.948.948.395)	(90.027.158.867)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.144.151.731	(112.494.899)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	127.338.144.964	127.450.639.863
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	130.482.296.695	127.338.144.964

Bình Phước, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Xuân Cử

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Giám đốc



Phan Ngọc Sự

482
T.Y.
1.T
AN
NH
SINH
H
C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2016 của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước (sau đây viết tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một thành viên 100% vốn Nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ - Thương mại

Ngành nghề kinh doanh :

- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc (chi tiết hoạt động xổ số);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (chi tiết xây dựng công trình đường bộ)
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Quảng cáo; In ấn;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung cấp các dịch vụ ăn uống theo hợp đồng thường xuyên với khách hàng;
- Trồng cao su.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có Trụ sở chính và Chi nhánh **Khách sạn Bombo - Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết & DVTH Bình Phước** hạch toán kế toán theo hình thức báo sổ:

Địa chỉ : Quốc lộ 14, Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.

Mã số : 3800100513-001



II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Áp dụng theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính: Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết.

Những nội dung không hướng dẫn trong Thông tư nêu trên, Công ty thực hiện theo Luật Kế toán, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán Công ty Xổ số Kiến thiết hiện hành và các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp: nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp: Kê khai thường xuyên.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 28/11/2016 và áp dụng từ năm tài chính 2016.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
- Máy móc và thiết bị	5 - 8
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 7
- Tài sản cố định khác	3 - 5

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định (TSCĐ) vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, doanh nghiệp có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

Nguyên giá TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng. Thời gian tính khấu hao của TSCĐ vô hình tối đa là 20 năm, trường hợp vượt 20 năm thì phải có bằng chứng tin cậy và xác định được.

TSCĐ vô hình của Công ty được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế, bao gồm :

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất (QSDĐ) được xác định bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất).

Chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Nguyên giá phần mềm máy vi tính được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích là 03 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty), máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh này.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác vào ngày kết thúc niên độ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

9. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí trả trước là công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán, và khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy. Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

12. Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

13. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ áp dụng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng theo phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm trích lập, Công ty Xổ số Kiến thiết không bị lỗ.

Dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ được trích lập trong trường hợp: trong năm tài chính, tỷ lệ trả thưởng thực tế của Công ty Xổ số Kiến thiết nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc tỷ lệ trả thưởng kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của Bộ Tài chính.

Dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập hàng năm tính vào chi phí phát hành xổ số dùng để làm nguồn chi trả thưởng trong trường hợp tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

Quỹ Dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập theo Khoản 6, Điều 10 Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014: "Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp Xổ số" (Thông tư này thay thế cho Thông tư số 112/2007/TT-BTC ngày 19 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Công ty Xổ số Kiến thiết").

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Là vốn thuộc quyền sở hữu của Nhà nước.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tổ thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tổ sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trích lập các quỹ

Được căn cứ theo Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số (sau đây gọi tắt là "Thông tư 01/2014/TT-BTC"). Lợi nhuận của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được phân phối như sau:

- Trích 30% vào Quỹ Đầu tư phát triển;
- Trích Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi và Quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp;
- Phần lợi nhuận còn lại do chủ sở hữu quyết định.

Việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên phải được chấp thuận của chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

1020
CỔ
K
NHÀ
C
TÀI
HỖ
NH PH

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ **Doanh thu xổ số**

Doanh thu hoạt động xổ số được ghi nhận khi Biên bản phát hành và thu hủy vé số được lập của Hội đồng Giám sát Xổ số Tỉnh. Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với Doanh thu. Riêng chi phí trả thưởng được xác định theo thực tế phát sinh.

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ **Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- a. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- b. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Chi phí Thuế Thu nhập hiện hành

Thuế TNDN hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với Bên liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại **khoản 2, Mục VIII – Thông tin khác** của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	ĐVT: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	27.318.021.791	9.488.235.137
- Tiền gửi ngân hàng	88.758.972.860	86.660.771.433
- Các khoản tương đương tiền	14.405.302.044	31.189.138.394
Cộng	130.482.296.695	127.338.144.964
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.806.102.827	2.000.000.000
Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng.		
3. Phải thu của khách hàng		
- Mai Hữu Ảnh	10.549.825.473	9.967.385.373
- Trần Văn Sang	2.914.086.216	2.682.541.666
- Nguyễn Kế Đáo	2.905.043.100	2.750.631.867
- Nguyễn Đức Đầy	2.752.668.700	2.929.140.500
- Nguyễn Văn Triệu	2.155.555.500	2.764.926.934
- Nguyễn Phú Thu	2.005.007.528	1.811.329.908
- Trần Công Hội	1.961.004.655	2.244.746.545
- Trần Thị Ngọc Lan	995.728.389	1.731.159.873
- Nguyễn Thị Kim Loan	1.845.844.200	1.988.237.100

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- Hà Thị Thùy Trang	1.840.499.833	1.700.116.600
- Tăng Lê Phúc Linh	1.738.491.883	1.668.008.583
- Bùi Văn Nghĩa	1.638.996.171	1.580.521.911
- Phan Văn Hai	1.559.421.100	1.383.315.140
- Hứa Kim Hùng	1.527.206.700	1.019.648.700
- Nguyễn Khắc Duy	1.325.868.435	1.445.227.435
- Trần Vũ Anh Đào	1.275.822.623	609.086.238
- Nguyễn Công Thi	1.216.837.800	1.235.573.200
- Châu Văn Luân	1.176.982.607	1.176.982.607
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khác	32.960.048.836	26.873.490.930
Cộng	74.344.939.749	67.562.071.110

4. Trả trước cho người bán

Chủ yếu là những khoản trả trước liên quan đến việc đầu tư xây dựng Chi nhánh Khách sạn Bom Bo, cụ thể:

- Công ty TNHH MTV Siêu thị Gia đình	4.380.600.000	2.100.000.000
- Công ty TNHH Song Long	2.100.228.973	2.100.228.973
- Công ty Cổ phần Điện máy TP.HCM	461.600.200	461.600.200
- Công ty Cổ phần Nguyên Phát	242.494.500	242.494.500
- Công ty TNHH MTV TMDV Âm nhạc Bùi Dũng	238.855.000	238.855.000
- Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển HQ	191.100.000	191.100.000
- Công ty TNHH Tri Thức Việt	125.982.000	125.982.000
- Nhà may Thụy Vũ	-	117.358.000
- Công ty TNHH TVTK - ĐTXD Tây Tiến	-	460.875.000
- Khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	62.532.658	62.532.658
Cộng	7.803.393.331	6.101.026.331

5. Phải thu khác

- Công ty TNHH Song Long (tạm ứng để xử lý thi công công trình)	500.000.000	500.000.000
- Tạm ứng xây nhà tình nghĩa	2.790.000.000	1.340.000.000
- Công ty TNHH TV XD Đại Nguyên (tạm ứng xử lý điện)	20.000.000	20.000.000
- Các khoản phải thu khác	83.505.600	7.143.335
Cộng	3.393.505.600	1.867.143.335

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	1.176.982.607	1.176.982.607
----	------------------------------------	---------------	---------------

Dự phòng khoản nợ không thu hồi được của Đại lý vé số Châu Văn Luân.

7. Hàng tồn kho

- Nguyên liệu, vật liệu	160.425.628	154.684.373
- Công cụ dụng cụ	94.786.396	77.303.841
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.195.325.944	985.986.544
- Hàng hoá	60.103.091	26.503.516

Cộng**1.510.641.059****1.244.478.274****8. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước**

Là số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước hoặc số thuế đã nộp được xét miễn giảm hoặc cho thoái thu nhưng chưa thực hiện.

- Thuế Giá trị gia tăng	-	1.355.818.284
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	26.686.251.247	22.799.494.646
- Thuế Thu nhập cá nhân công ty	-	881.566.167

Cộng**26.686.251.247****25.036.879.097****9. Tài sản ngắn hạn khác**

Khoản tạm ứng của nhân viên Công ty, chi tiết:

- Nguyễn Xuân Cử	10.000.000	-
- Đoàn Xuân Hùng	2.080.000	-
- Văn Thanh Hùng	27.000.000	-
- Trần Mạnh Đức	6.500.000	-
- Nguyễn Thị Hà (A)	7.534.000	-
- Nguyễn Đăng Khoa	6.305.429	40.553.733
- Nguyễn Thị Ngọc Hương	-	50.220.000
- Nguyễn Hồng Ngọc	-	400.000.000
- Bùi Anh Vũ	-	10.000.000

Cộng**59.419.429****500.773.733**

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

10. Tài sản cố định hữu hình

Nhóm TS						
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
- Số đầu năm	76.061.921.227	33.283.365.685	3.251.200.927	3.677.902.581	11.385.808.891	127.660.199.311
- Mua trong năm		241.800.000		33.000.000	-	274.800.000
- Số cuối năm	76.061.921.227	33.525.165.685	3.251.200.927	3.710.902.581	11.385.808.891	127.934.999.311
Giá trị hao mòn						
- Số đầu năm	4.892.136.974	7.219.059.053	1.212.451.252	1.159.546.168	1.530.318.765	16.013.512.212
- Khấu hao trong năm	1.662.220.656	5.457.174.287	328.734.295	624.902.098	657.478.475	8.730.509.811
- Số cuối năm	6.554.357.630	12.676.233.340	1.541.185.547	1.784.448.266	2.187.797.240	24.744.022.023
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	71.169.784.253	26.064.306.632	2.038.749.675	2.518.356.413	9.855.490.126	111.646.687.099
- Tại ngày cuối năm	69.507.563.597	20.848.932.345	1.710.015.380	1.926.454.315	9.198.011.651	103.190.977.288
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
- Tại ngày đầu năm	431.697.546	-	-	120.941.545	-	552.639.091
- Tại ngày cuối năm	512.097.724	-	442.101.836	190.777.909	-	1.144.977.469

11. Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất [a]	Phần mềm máy vi tính [b]	Tổng cộng
Nguyên giá				
- Số đầu năm		14.475.500.000	1.168.254.545	15.643.754.545
- Tăng trong năm		-	13.004.545	13.004.545
- Số cuối năm		14.475.500.000	1.168.254.545	15.643.754.545
Giá trị hao mòn				
- Số đầu năm		-	249.381.248	249.381.248
- Khấu hao trong năm			144.406.248	144.406.248
- Số cuối năm		-	393.787.496	393.787.496
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm		14.475.500.000	918.873.297	15.394.373.297
- Tại ngày cuối năm		14.475.500.000	774.467.049	15.249.967.049

[a] Giá trị Quyền sử dụng đất lâu dài tại số: 1/118-120 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM (Trạm giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh).

[b] Phần mềm máy tính là phần mềm quản lý Khách sạn Bombo, phần mềm kế toán và phần mềm quản lý vé số tự chọn.

12. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần B.O.T đường QL14 Đồng Xoài – Chơn Thành, tỷ lệ góp vốn 24% trên tổng số vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần BOT Đường QL14 Đồng Xoài – Chơn Thành. Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý thu hồi khoản đầu tư.

	Năm nay	Năm trước
- Giá gốc	28.800.000.000	28.800.000.000
- Giá trị hợp lý	28.637.021.665	28.728.150.342
- Dự phòng	(162.978.335)	(71.849.658)

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

13.	Đầu tư dài hạn khác	12.500.000.000	12.500.000.000
-----	----------------------------	-----------------------	-----------------------

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cơ sở hạ tầng Bình Phước, tỷ lệ góp vốn là 9,8% vốn Điều lệ của Công ty được đầu tư.

14.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	162.978.335	71.849.658
-----	---	--------------------	-------------------

Khoản dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần B.O.T đường QL14 Đồng Xoài – Chơn Thành.

15. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa Văn phòng Công ty, chi phí trả trước dài hạn khác có thời gian phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	13.862.729.178	3.128.172.696
- Tăng trong năm	23.575.472.800	19.964.820.425
- Kết chuyển vào chi phí kinh doanh trong năm	(19.415.938.333)	(9.230.263.943)
- Số cuối năm	18.022.263.645	13.862.729.178

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số đầu năm	Vay trong năm	Đã trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
16.1 Vay ngắn hạn	20.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	20.000.000.000
16.2 Nợ dài hạn đến hạn trả	6.418.992.000	-	6.418.992.000	-
Cộng	26.418.992.000	70.000.000.000	76.418.992.000	20.000.000.000

16.1 Vay ngắn hạn

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2016/853329/HĐTD ngày 05 tháng 10 năm 2016. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động dự trữ trả thưởng. Hạn mức vay: 20.000.000.000 Đồng. Thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất: 9%/năm.

16.2 Nợ dài hạn đến hạn trả

Khoản nợ dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Phước của các Hợp đồng vay dài hạn (thuyết minh V.24).

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

17. Phải trả người bán

- Xí nghiệp In Tài chính	473.440.000	361.856.000
- Trung tâm Kiểm định chất lượng XD Đắk Nông	56.498.000	56.498.000
- Công ty TNHH MTV TM DV XNK & DL Tân Thịnh Phát	1.433.000.000	-
- Công ty TNHH Công nghệ & Truyền thông Quốc tế Incomtech	31.545.300	31.545.300
- Công ty TNHH MTV Văn hóa Đại Việt Á	-	862.950.000
- Công ty TNHH MTV Nhâm Hữu	617.814.018	41.182.400
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	82.852.216	43.727.216
Cộng	2.695.149.534	1.397.758.916

18. Người mua trả tiền trước

- Tiền ứng trước của các đại lý bán vé số	70.737.490	286.714.087
- Anh Sáng (đặt cọc tiệc cưới 2014)	30.000.000	-
- Công ty TNHH Nguồn Lực ASICS VN 2014	50.000.000	-
- Công ty CP Du lịch Quốc tế Đảo Ngọc	15.120.000	-
- Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Tỉnh Bình Phước	10.000.000	-
- Hội Doanh nghiệp trẻ Tỉnh Bình Phước	500.000	-
- Sở Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Bình Phước	1.000.000	-
Cộng	177.357.490	286.714.087

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	(1.355.818.284)	119.564.627.330	117.224.935.187	983.873.859
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	10.426.011.218	159.433.023.319	162.092.241.895	7.766.792.642
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(22.480.236.398)	115.361.499.186	119.567.514.035	(26.686.251.247)
- Thuế Thu nhập cá nhân	1.824.629.595	37.591.906.919	36.714.911.690	2.701.624.824

CÔNG TY TNHH MTV XÔ SÓ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2016

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	59.440.180	59.440.180	-
- Các loại thuế khác phải nộp	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.769.292.506	2.769.292.506	-
Cộng	(11.585.413.869)	434.782.789.440	438.431.335.493	(15.233.959.922)

Trong đó

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.451.465.228	-	11.452.291.325
- Thuế nộp thừa (*)	(25.036.879.097)	-	(26.686.251.247)

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.8)

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế đầu ra : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất : 10% trên doanh thu tính thuế Giá trị gia tăng.

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 15% trên giá vé phát hành (sau khi loại trừ thuế GTGT).

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất : 20% trên thu nhập chịu thuế.

Khoản Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành 2016	32.806.977.671
- Khoản nộp ngân sách từ Quỹ Đầu tư Phát triển	21.594.074.422
- Khoản nộp ngân sách từ LNST năm 2016	60.960.447.093
Cộng	115.361.499.186

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

Thu tài chính

Là khoản phải nộp vào ngân sách, sau khi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp và trích lập các Quỹ theo quy định.

Tiền thuê đất

Công ty có nghĩa vụ trả tiền thuê đất hàng năm theo các hợp đồng thuê đất sau:

- ❖ Hợp đồng thuê đất số 04/HĐ/TĐ ngày 25/01/2000 với Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bình Phước do Sở Địa chính tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất cho diện tích đất làm trụ sở Công ty tại số 72C, quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Mục đích thuê: Làm trụ sở văn phòng Công ty

Diện tích đất thuê: 3.846,609 m².

Thời gian sử dụng: 50 năm từ ngày 09/04/1997.

Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê hàng năm.

- ❖ Hợp đồng thuê đất số 108/HĐ/TĐ ngày 01/11/2010 với Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất làm Khách sạn Bom Bo tại Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Diện tích đất là 2.094,20 m². Thời gian thuê đất là 50 năm đến ngày 27/10/2060.

Mục đích thuê: Xây dựng khu dịch vụ khách sạn

Diện tích đất thuê: 2.094,20 m²

Thời gian sử dụng: 50 năm đến ngày 27/10/2060.

Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê hàng năm.

Các khoản thuế khác thu hộ

Thuế Thu nhập cá nhân nộp thay đại lý: 5% trên khoản tiền hoa hồng và phí ủy quyền trả thưởng chi cho đại lý.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2016

20.	Phải trả người lao động	5.203.198.115	3.681.253.412
-----	--------------------------------	----------------------	----------------------

Tiền lương và các khoản thu nhập còn phải trả người lao động.

21.	Chi phí phải trả	130.000.000	-
-----	-------------------------	--------------------	----------

Lãi vay còn phải trả

22.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
-----	---	--	--

-	Tài sản thừa chờ giải quyết	509.646	509.646
-	Kinh phí công đoàn	156.229.601	90.317.793
-	Bảo hiểm xã hội	50.994.995	-
-	Hoa hồng bổ sung còn phải trả cho các đại lý	1.956.573.600	1.626.315.400
-	Chi phí ủy quyền trả thưởng	112.189.880	65.925.740
-	Giá trị TSCĐ tạm tính	3.914.198.053	3.914.198.053
-	Chi phí vận chuyển vé, trả thưởng hộ phải trả	8.487.797.600	1.568.696.100
-	Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	323.000

Cộng

14.678.493.375	7.266.285.732
-----------------------	----------------------

23.	Dự phòng rủi ro trả thưởng		
-----	-----------------------------------	--	--

Khoản dự phòng chi phí trả thưởng được trích theo quy định của Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính.

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	35.728.068.450	26.168.091.600
- Trích bổ sung trong năm	4.608.486.450	9.559.976.850
- Hoàn nhập trong năm	-	-
- Số cuối năm	40.336.554.900	35.728.068.450

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

24. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận (*)	Tăng khác	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ Khen thưởng	(1.120.553.255)	2.033.248.527	2.329.102.354	3.573.732.605	(331.934.979)
- Quỹ Phúc lợi	(2.425.293.829)	2.033.248.527		- 2.671.200.000	(3.063.245.302)
- Quỹ khen thưởng Ban Điều hành QL	46.768.571	263.250.000		- 211.385.000	98.633.571
Cộng	(3.499.078.513)	4.329.747.054	2.329.102.354	6.456.317.605	(3.296.546.710)

(*) Tham chiếu Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.25

25. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

- 32.316.065.500

Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Bình Phước đã được tắt toán trong năm 2016.

26. Vốn chủ sở hữu

STT	Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
26.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	160.000.000.000	40.000.000.000	-	200.000.000.000
26.2	Quỹ đầu tư phát triển	42.157.089.983	27.981.511.778	61.594.074.422	8.544.527.339
26.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	93.400.859.358	128.459.618.176	93.271.705.925	128.588.771.609
	Cộng	295.557.949.341	196.441.129.954	154.865.780.347	337.133.298.948

26.1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ tăng trong năm được bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển.

26.2. Quỹ Đầu tư phát triển

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	42.157.089.983	59.939.325.736
- Bổ sung từ lợi nhuận sau thuế	27.981.511.778	22.217.764.247
- Chuyển tăng vốn chủ sở hữu	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
- Quỹ đầu tư còn lại nộp ngân sách	(21.594.074.422)	-
- Số cuối năm	8.544.527.339	42.157.089.983

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

26.3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển năm nay	93.400.859.358	74.188.367.589
- Phân phối lợi nhuận năm trước	(93.271.705.925)	(74.059.214.156)
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(27.981.511.778)	(22.217.764.247)
+ Trích Quỹ Khen thưởng	(2.033.248.527)	(1.485.016.521)
+ Trích Quỹ Phúc lợi	(2.033.248.527)	(1.485.016.522)
+ Trích Quỹ khen thưởng Ban Điều hành QL	(263.250.000)	(263.250.000)
+ Lợi nhuận còn lại nộp ngân sách Nhà nước	(60.960.447.093)	(48.608.166.866)
- Lợi nhuận năm trước chuyển năm nay	129.153.433	129.153.433
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	128.459.618.176	93.271.705.925
- Lợi nhuận năm nay lũy kế chuyển năm sau	128.588.771.609	93.400.859.358

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
27. Doanh thu		
- Tổng doanh thu	1.233.223.910.191	1.092.624.293.497
- Doanh thu xổ số	1.222.319.845.454	1.082.668.740.909
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.904.064.737	9.955.552.588
- Các khoản giảm trừ doanh thu	(159.433.023.319)	(141.217.661.857)
- Thuế Tiêu thu đặc biệt	(159.433.023.319)	(141.217.661.857)
- Doanh thu thuần	1.073.790.886.872	951.406.631.640
Trong đó:		
- Doanh thu xổ số	1.062.886.822.135	941.451.079.052
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.904.064.737	9.955.552.588

28. Chi phí kinh doanh

- Chi phí kinh doanh xổ số	809.992.760.455	755.577.071.376
+ Chi phí trả thưởng xổ số truyền thống	562.679.200.000	535.706.800.000
+ Chi phí trả thưởng về tự chọn	17.754.970.000	11.341.200.000
+ Chi phí cho các đại lý	202.676.688.860	179.485.831.980
+ Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	2.655.154.545	1.469.110.000
+ Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	4.608.486.450	9.559.976.850
+ Chi phí về vé xổ số	18.813.260.600	16.623.243.456
+ Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	785.000.000	1.370.909.090
+ Chi phí đóng góp cho HĐ XSKT khu vực	20.000.000	20.000.000
- Giá vốn kinh doanh khách sạn và dịch vụ khác	14.764.257.032	14.748.314.690
Tổng cộng	824.757.017.487	770.325.386.066

29. Doanh thu hoạt động tài chính 1.842.634.364 4.505.776.437

Lãi tiền gửi ngân hàng.

30. Chi phí tài chính

- Chi phí lãi tiền vay	5.995.413.270	7.529.377.603
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	91.128.677	-
Cộng	6.086.541.947	7.529.377.603

31. Chi phí bán hàng 3.230.000 5.120.000

Chi phí vận chuyển của Chi nhánh Khách sạn Bom Bo.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Năm 2016

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	42.857.392.914	31.621.049.178
- Chi phí vật liệu quản lý	1.298.432.607	1.299.126.876
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.592.975.078	1.194.756.901
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.564.964.114	1.480.654.919
- Thuế, phí và lệ phí	151.138.178	161.672.133
- Chi phí dự phòng	5.249.359.371	6.140.555.511
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.642.682.310	16.974.631.984
- Chi phí bằng tiền khác	42.857.392.914	31.621.049.178
Cộng	81.356.944.572	60.049.430.109

33. Thu nhập khác

- Thu bán vé phế liệu	373.540.368	473.716.836
- Thu phí dịch vụ SMS	319.545.454	317.272.727
- Thu nhập khác	51.458.320	-
Cộng	744.544.142	790.989.563

34. Chi phí khác

- Chi phí bán giấy phế liệu	28.600.000	31.200.000
- Chi phí trả lãi phạt	101.843.019	-
- Tiền phạt chậm nộp	2.768.292.506	34.717.487
- Chi phí khác	9.000.000	-
Cộng	2.907.735.525	65.917.487

35. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	161.266.595.847	118.728.166.375
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	2.768.292.506	34.717.487
- Trừ (-) thu nhập không chịu thuế	-	3.051.700.000
- Tổng thu nhập chịu thuế	164.034.888.353	115.711.183.862
- Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	32.806.977.671	25.456.460.450

VII. THÔNG TIN CHO NHỮNG KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã bổ sung tăng vốn điều lệ từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển 40.000.000.000 Đồng (thuyết minh V.26.2)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản cam kết và hợp đồng dài hạn

❖ *Hợp đồng thuê đất số 04 HĐ/ĐĐ ngày 25/01/2000 giữa Công ty và Sở Địa chính Bình Phước:*

- Diện tích đất thuê: 3.846,609 m²
- Địa chỉ: Đường Quốc lộ 14 Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước
- Thời hạn thuê: 50 năm từ ngày 09/4/1997 đến ngày 09/4/2047
- Đơn giá đất thuê:
- + Vị trí 1: 2.587,5 m² đơn giá 5.000.000 đ/m²/năm
- + Vị trí 2: 1.259,109 m² đơn giá 1.200.000 đ/m²/năm

Giá thuê đất ổn định tối thiểu là 5 năm, mỗi lần điều chỉnh không được vượt quá 15% theo giá trị hợp đồng thuê đất và chỉ điều chỉnh cho thời gian các kỳ thanh toán còn lại.

Công ty không được chuyển giao khu đất thuê cho tổ chức, cá nhân khác dưới bất cứ hình thức nào nếu chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.

❖ *Theo Hợp đồng thuê đất số 108/HĐTĐ ngày 01/11/2010 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Phước. Chi tiết như sau:*

- Diện tích đất thuê: 2.094,2 m² tại Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước để xây dựng Khu dịch vụ khách sạn.
- Thời hạn thuê: 50 năm từ ngày 27/10/2010 đến ngày 27/10/2060
- Giá tiền thuê đất: Do Sở Tài chính xác định, tiền thuê đất được tính từ ngày 27/10/2010.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

Phương thức nộp tiền thuê đất: Mỗi năm nộp 02 kỳ, kỳ thứ nhất trước ngày 01 tháng 4, kỳ thứ hai trước ngày 01 tháng 10 hàng năm.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập tiền lương và các khoản khác của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Giám đốc Công ty trong năm là 2.527.750.928 Đồng.

3. Thông tin so sánh

Trong năm 2016, căn cứ Biên bản kiểm toán Báo cáo tài chính của Kiểm toán Nhà nước tháng 11 năm 2016 về các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2015 của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước, Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu của cột số đầu năm trên Bảng Cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cột số năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016. Chi tiết:

❖ Bảng Cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2016

Điều chỉnh một số chỉ tiêu trong cột “ Số Đầu năm”:

Mã số	TÀI SẢN	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(4) = (2) + (3)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	230.409.711.187	63.823.050	230.473.534.237
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	129.338.144.964	(2.000.000.000)	127.338.144.964
112	1 Các khoản tương đương tiền	33.189.138.394	(2.000.000.000)	31.189.138.394
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	2.000.000.000	2.000.000.000
123	1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	2.000.000.000	2.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	74.289.435.119	63.823.050	74.353.258.169
131	1 Phải thu khách hàng	67.498.248.060	63.823.050	67.562.071.110

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(4) = (2) + (3)
200 B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	173.714.868.008	8.417.071.908	182.131.939.916
220 II.	Tài sản cố định	122.458.829.668	4.582.230.728	127.041.060.396
221 1	Tài sản cố định hữu hình	100.986.349.009	10.660.338.090	111.646.687.099
222 -	Nguyên giá	123.420.155.666	4.240.043.645	127.660.199.311
223 -	Giá trị hao mòn lũy kế	(22.433.806.657)	6.420.294.445	(16.013.512.212)
230 4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.078.107.362	(6.078.107.362)	-
260 VI	Tài sản dài hạn khác	10.027.887.998	3.834.841.180	13.862.729.178
261 1	Chi phí trả trước dài hạn	10.027.887.998	3.834.841.180	13.862.729.178
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	404.124.579.195	8.480.894.958	412.605.474.153

Mã số	NGUỒN VỐN	Số đầu năm trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số đầu năm sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(4) = (2) + (3)
300 C.	NỢ PHẢI TRẢ	112.750.245.461	4.297.279.351	117.047.524.812
310 I.	Nợ ngắn hạn	80.434.179.961	4.297.279.351	84.731.459.312
319 9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.352.087.679	3.914.198.053	7.266.285.732
400 D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	291.374.333.734	4.183.615.607	295.557.949.341
410 I.	Vốn chủ sở hữu	291.374.333.734	4.183.615.607	295.557.949.341
420 8	LNST chưa phân phối	89.217.243.751	4.183.615.607	93.400.859.358
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	404.124.579.195	8.480.894.958	412.605.474.153



CÔNG TY TNHH MTV XÔ SÓ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

❖ **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016**

Điều chỉnh các chỉ tiêu cột "Năm trước" như sau:

Mã số	CHỈ TIÊU	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(4) = (2) + (3)
11 4	Chi phí kinh doanh	774.828.259.921	(4.502.873.855)	770.325.386.066
11.2	Giá vốn hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã bán	19.251.188.545	(4.502.873.855)	14.748.314.690
20 5	Lợi nhuận gộp	176.578.371.719	4.502.873.855	181.081.245.574
20.2	Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	(9.295.635.957)	4.502.873.855	(4.792.762.102)
30 10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	113.500.220.444	4.502.873.855	118.003.094.299
50 14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	114.225.292.520	4.502.873.855	118.728.166.375
51 15	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25.137.202.202	319.258.248	25.456.460.450
60 17	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	89.088.090.318	4.183.615.607	93.271.705.925

4. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2016

Các Thông tư, văn bản luật có hiệu lực trong năm 2016 sau đây:

- Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các Thông tư về thuế.
- Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/04/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.
- Thông tư số 05/VBHN-BTC ngày 14/03/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 11 năm 2016 và áp dụng từ năm tài chính 2016.
- Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH cùng ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc và Viên chức quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2016; các chế độ quy định tại Thông tư này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Bình Phước, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cừ

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Giám đốc



Phan Ngọc Sự

